HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THUỶ SẢN VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 83 /CV-VASEP *V/v Góp ý Dự thảo Thông tư quy định quản lý về truy xuất nguồn gốc SPHH*	*Tp Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 09 năm 2023*

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Hiệp hội Chế biến và XK Thủy sản Việt Nam (**VASEP**) nhận được thông tin Quý Bộ đang lấy ý kiến cho Dự thảo Thông tư quy định quản lý về truy xuất nguồn gốc (TXNG) sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi tắt là Dự thảo). Nhận thấy Dự thảo (đang được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của của Quý Bộ từ ngày 7/6/2023) vẫn còn một số nội dung quy định chưa phù hợp, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và XNK của các DN, sau khi xem xét Dự thảo, Hiệp hội xin có ý kiến như sau:

A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CHƯA PHÙ HỢP:

Khoản 1 Điều 2 của Dự thảo quy định đối tượng áp dụng là "Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa". Điều này **không phù hợp** với một số đối tượng, bao gồm:

I. Hàng hóa XK hoặc nguyên liệu sản xuất, gia công hàng hóa XK hoặc sử dụng trong nội bộ DN:

Lý do:

1. Về quy định tại các văn bản pháp quy hiện hành của Việt Nam:

- Theo **Điều 32** Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đối với hàng hóa XK:

> *"1. Người XK hàng hóa phải bảo đảm hàng hóa XK phù hợp với quy định của nước NK, hợp đồng hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp với nước, vùng lãnh thổ có liên quan.*
>
> *2. Áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong quá trình sản xuất hoặc tự xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do mình sản xuất"*

Như vậy, theo quy định trên, DN chỉ cần đảm bảo chất lượng hàng hóa phù hợp với quy định nước NK. Việc quản lý để đảm bảo chất lượng sản phẩm của DN do DN tự xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý phù hợp.

- Theo Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa cũng **không áp dụng đối với hàng hóa XK**:

> ***"Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa như sau:***
>
> *5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10*
>
> ***"Điều 10. Nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa***
>
> *2. Nhãn của hàng hóa XK thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định pháp luật của nước nhập khẩu.*

...

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 15

"Điều 15. Xuất xứ hàng hóa

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, XK, NK tự xác định và ghi xuất xứ hàng hóa của mình bảo đảm trung thực, chính xác, tuân thủ các quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa XK, NK, hàng hóa sản xuất tại Việt Nam hoặc các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia."

Như vậy, theo quy định hiện hành của Việt Nam, ngay cả nhãn hàng hóa của nhà sản xuất XK cũng cần tuân theo quy định pháp luật của nước NK.

2. Về Thông lệ quốc tế

Theo thông lệ quốc tế, các quốc gia đều đã có quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại quốc gia mình như các quy định về ghi nhãn, chất lượng sản phẩm, bảo vệ quyền lợi người tiêu dung,... Mục tiêu của các luật này đều để ngăn chặn hàng hóa kém chất lượng xâm nhập vào thị trường trong nước nhưng không áp dụng đối với hàng hóa XK (không tiêu thụ nội địa) để khuyến khích và tạo điều kiện cho XK.

3. Về thực tiễn áp dụng

Khi DN phải thực hiện cả quy định của nước NK và quy định của nước XK sẽ khiến cho DN tăng gấp đôi khối lượng công việc, nguồn nhân lực cũng phải tăng gấp đôi để đáp ứng. Điều này dẫn đến tăng chi phí và thời gian thực thi cho DN. Điều này sẽ làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa và của DN Việt Nam so với DN các nước khác trong khu vực và trên thế giới.

II. Các đối tượng có đặc điểm toàn chuỗi thấp (các cơ sở, trang trại, hợp tác xã, cá nhân sản xuất quy mô nhỏ, quy mô hộ gia đình,...)

Lý do: Quy định như Dự thảo chỉ phù hợp với các cơ sở sản xuất công nghiệp có quy mô sản xuất lớn, tính đồng nhất của sản phẩm cao. Đối với các đối tượng sản xuất có đặc điểm đồng nhất toàn chuỗi thấp như các cơ sở, trang trại, hợp tác xã, cá nhân sản xuất quy mô nhỏ, quy mô hộ gia đình,..., sẽ khó áp dụng.

Đề nghị: Bỏ đối tượng "Hàng hóa XK hoặc nguyên liệu để sản xuất, gia công hàng hóa XK hoặc sử dụng trong nội bộ DN" và "Hàng hóa có đặc điểm toàn chuỗi thấp (các cơ sở, trang trại, cá nhân sản xuất quy mô nhỏ, quy mô hộ gia đình,...)" ra khỏi Đối tượng áp dụng tại Điều 2 của Dự thảo.

B. QUY ĐỊNH VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC CHƯA PHÙ HỢP

I. Mâu thuẫn chồng chéo với các quy định hiện hành về TXNG của Việt Nam:

Hiện tại, Bộ NNPTNT và Bộ Y tế đều đã ban hành các Thông tư về TXNG đối với các sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của 2 Bộ (Thông tư số 17/2021/TTBNNPTNT ngày 20/12/2021 quy định về TXNG, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ NNPTNT và Thông tư số 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định việc TXNG sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế).

Các quy định về TXNG của 2 Thông tư trên có rất nhiều điểm không đồng nhất với các quy định của Dự thảo (*như quy định về thông tin phải lưu trữ cho mục đích TXNG của 2 Thông tư trên không hoàn toàn giống quy định về thông tin TXNG phải lưu trữ của Dự thảo; cách thức thực hiện TXNG của 2 Thông tư trên là theo lô hàng trong khi Dự thảo quy định các thông tin lưu trữ theo công đoạn; thời gian lưu trữ thông tin về TXNG của 2 Thông tư là từ 6 tháng đến 2 năm tại cơ sở còn Dự thảo không quy định thời gian lưu trữ thông tin nhưng yêu cầu kết nối thông tin lên Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hóa quốc gia,...*). Điều này gây khó khăn cho việc tuân thủ của các đối tượng nằm trong phạm vi áp dụng của 2 Thông tư trên (vì các đối tượng này cũng thuộc đối tượng áp dụng của Dự thảo).

Đề nghị: Loại trừ các đối tượng áp dụng thuộc 2 Thông tư trên ra khỏi đối tượng áp dụng của Dự thảo.

II. Quy định về kết nối thông tin lên Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hóa quốc gia chưa rõ ràng:

Hiện tại Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hóa quốc gia chưa có và cũng chưa có bất kỳ Văn bản pháp quy nào quy định các vấn đề liên quan đến Cổng này. Trong khi đó, các quy định của Dự thảo về kết nối thông tin của DN, người dân lên Cổng còn chung chung, chưa rõ ràng, gây khó khăn cho các đối tượng thực thi. Trong khi đó, có rất nhiều thông tin nhạy cảm/thông tin bí mật của cơ sở được yêu cầu phải gửi lên Cổng như thông tin về quy trình công nghệ/các công đoạn trong sản xuất sản phẩm, thời gian sản xuất của từng sản phẩm trong lô hàng,...

Đề nghị: Ban Soạn thảo làm rõ các yêu cầu thực thi về kết nối thông tin TXNG lên Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hóa quốc gia như:

- Trình tự, thủ tục kết nối, gửi thông tin lên Cổng
- Cơ quan chịu trách nhiệm quản lý Cổng
- Việc bảo mật thông tin cần thiết của cơ sở, người dân khi thông tin được gửi lên Cổng.
- Trong thời gian khi chưa có Cổng thì thông tinh TXNG của cơ sở, người dân sẽ gửi lên đâu hoặc tới đơn vị Quản lý Nhà nước nào để quản lý/công bố.

C. LỘ TRÌNH ÁP DỤNG CHƯA PHÙ HỢP

Dự thảo không có quy định về thời hạn chuyển tiếp để cơ sở, người dân đáp ứng các yêu cầu mới. Như vậy, tất cả các cơ sở, người dân đang tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh đều sẽ phải áp dụng ngay các quy định này khi Thông tư có hiệu lực. Đây là một trở ngại rất lớn khi nhiều cơ sở đang áp dụng các hệ thống TXNG riêng với các trang thiết bị rất phức tạp hay sử dụng công nghệ cao (sử dụng phần mềm, sử dụng thiết bị RFID, NFC,...) và để chuyển đổi nhằm đáp ứng được các yêu cầu mới của Dự thảo thì cần nhiều thời gian, thậm chí cả kinh phí đầu tư.

Đề nghị: bổ sung thời hạn chuyển tiếp cho các cơ sở và người dân là từ 2 – 3 năm.

Hiệp hội trân trọng đề nghị Quý Bộ xem xét các ý kiến góp ý nêu trên để bổ sung sửa đổi hợp lý Dự thảo nhằm đáp ứng các quy định pháp luật hiện hành, thông lệ quốc tế và tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

Trân trọng cảm ơn và kính chào ./.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH

Trương Đình Hòe

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các Bộ: NNPTNT, Y tế, Công thương;
- Tổng cục TC Đo lường CL;
- VCCI;
- Chủ tịch HH và các PCT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.